

Số: 50/NQ-HĐKĐCLGD

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-KĐCLGD ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc kiện toàn Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và Tổ Thư ký của Hội đồng;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-KĐCLGD ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải tại phiên họp Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng), Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam đã họp ngày 22/8/2022 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải giai đoạn 2017-2021. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Nhà trường, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan.

Căn cứ nhận xét nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải của các thành viên Hội đồng, báo cáo kết quả tự đánh giá của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, báo cáo kết quả đánh giá ngoài của Trường Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tại phiên họp của Hội đồng ngày 22/8/2022;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua với tỉ lệ 100% (13/13/13) thành viên Hội đồng đã tán thành Nghị quyết;



QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 12/05/2022 đến ngày 18/05/2022 và đã đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy trình kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải. Điểm trung bình của từng lĩnh vực như sau: Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,93 điểm; Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3,89 điểm; Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 4,03 điểm; Kết quả hoạt động: 4,02 điểm. Số tiêu chí được đánh giá đạt từ 4 điểm trở lên là 100 tiêu chí trên tổng số 111 tiêu chí, chiếm 90,09%; số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,0 trở lên là 15 tiêu chuẩn trên tổng số 25 tiêu chuẩn, chiếm 60,00% và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm (*chi tiết trong Phụ lục I*).

3. Kiến nghị Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải cần tham khảo các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến các tồn tại mà Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã chỉ ra trong Báo cáo đánh giá ngoài nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường (*chi tiết trong Phụ lục II*).

4. Căn cứ Điều 46 Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, cơ sở giáo dục có điểm trung bình trong từng lĩnh vực đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm, Hội đồng thống nhất công nhận Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng./.

Nơi nhận:

- Trường ĐHCNGTVT;
- Giám đốc TT KĐCLGD;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCLGD;
- Phòng CNCL;
- Trang TTĐT cea-avuc.edu.vn;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**CHỦ TỊCH****PGS.TS. Nguyễn Phương Nga**

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI, BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
*(Kèm theo Nghị quyết số: 50/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng
 Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm
Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,93
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa	4,00
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	3,75
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	3,75
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	4,00
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	3,86
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	3,80
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	4,25
Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,89
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4,00
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	3,75
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	4,00
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	3,80
Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,03
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	4,20
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	3,80
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	3,80
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	3,75
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,00
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	4,00
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	4,00
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	4,50
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4,25



Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	4,02
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	3,75
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	4,33
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4,00
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4,00

TỔNG HỢP	Số lượng	Tỉ lệ
Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên	100	90,09%
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên	15	60,00%
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm	0	0,00%



Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI, BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Nghị quyết số: 50/NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường ĐHCĐ Việt Nam)

Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải được thành lập theo Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 27/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Công chính. Nhà trường đã được trao nhiều phần thưởng cao quý như: Tập thể “Anh hùng lao động” thời kỳ đổi mới (năm 2000); 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (các năm 2005 và 2010) và nhiều phần thưởng cao quý khác của Đảng, Nhà nước và Bộ Giao thông vận tải.

Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Bộ Giao thông vận tải giai đoạn 2017 - 2021 đã chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm cần khắc phục và đề xuất kiến nghị:

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT:

LĨNH VỰC 1: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC

1. Tâm nhìn, Sứ mạng của Nhà Trường cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường; phù hợp với Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phù hợp với nguồn nhân lực, tài lực trong quá trình phát triển của Trường.

2. Hội đồng Trường; các tổ chức Đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và có các quy chế hoạt động thể hiện trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường.

3. Các đơn vị của Trường được thành lập cơ bản phù hợp với quy định của Luật Giáo dục Đại học, Điều lệ Trường Đại học, các văn bản hướng dẫn thi hành và phù hợp với định hướng phát triển của Trường.

4. Trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2045 và xây dựng kế hoạch hằng năm thực hiện Chiến lược, Nhà trường đã thực hiện đối sánh, đánh giá việc xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển Trường để đề xuất các giải pháp thực hiện và có biện pháp điều chỉnh phù hợp cho Chiến lược và các chiến lược phát triển của từng lĩnh vực, bao gồm: Chiến lược phát triển khoa học công nghệ, Chiến lược phát triển hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ...

5. Chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác định trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó Nhà trường đã điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, đưa ra các chỉ số, chỉ tiêu cụ thể và có lộ trình thực hiện.... Nội dung các chính sách đều có căn cứ phù hợp với quy định của Nhà nước.

6. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường có học hàm giáo sư và phó giáo sư là 4,55%; có học vị tiến sĩ là 24,59%; đang làm nghiên cứu sinh là 10,95%.

7. Nhà trường có tổng diện tích đất là 227.961 m²; có 187 phòng làm việc với tổng số 4850,22 m²; có 2164 phòng thực hành, thí nghiệm với các trang thiết bị phù hợp phục vụ cho việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

8. Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường đã ký kết 19 biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học, các tổ chức nước ngoài; ký kết 19 biên bản thỏa thuận, hợp tác với các đối tác trong nước để hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi người học, thực hành, thực tế. Nhà trường đã tiếp và trao đổi với 116 đoàn nước ngoài đến làm việc, tham gia hội thảo, tập huấn, nghiên cứu khoa học tại Trường; cử 50 lượt đoàn giảng viên, cán bộ của Trường tham gia học tập nâng cao trình độ, khảo sát, tập huấn tại nước ngoài. Nhà trường phối hợp với các tổ chức và trường đại học, tổ chức 30 hội nghị, hội thảo khoa học cấp Trường về nhiều lĩnh vực khác nhau.

LĨNH VỰC 2: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG

9. Nhà trường đã ban hành bộ chỉ tiêu chính để đo lường và đánh giá kết quả công tác cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động và đã thực hiện rà soát, cải tiến các chỉ số và chỉ tiêu chính 2 lần trong chu kỳ đánh giá.

10. Nhà trường đã hoàn thành tự đánh giá, đánh giá ngoài và được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục vào năm 2017.

11. Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong trên nền tảng công nghệ thông tin để hỗ trợ công tác ra quyết định với hệ thống mạng máy tính của Trường gồm 1344 máy tính, có các phần mềm quản lý; có dự án xây dựng hệ thống đại học điện tử, trong đó dự kiến có nhiều cải tiến hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường.

12. Chiến lược phát triển Nhà trường có nêu cụ thể các chính sách để phát triển Trường như phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất được chuẩn hóa, cải tiến chương trình đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được mở rộng về loại hình và chất lượng phục vụ, đảm bảo nguồn tài chính cho các hoạt động của Nhà trường.

LĨNH VỰC 3: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

13. Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch truyền thông về tuyển sinh và giao nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, cá nhân thực hiện công tác truyền thông, chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Công tác truyền thông về tuyển sinh được Nhà trường thực hiện theo nhiều phương thức đa dạng, phong phú.

14. Giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã có 03 lần rà soát lại chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy. Trong quá trình xây dựng, rà soát chương trình đào tạo/chương trình dạy học, Nhà trường đã tham khảo chương trình đào tạo/chương trình dạy học của một số trường đại học trong nước và đã khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, chuyên gia và sinh viên.

15. Triết lý giáo dục của Trường là “Ứng dụng – Thực học – Thực nghiệp”. Triết lý giáo dục của Trường được phổ biến trên cổng thông tin điện tử của Trường, trên các tờ rơi tuyển sinh, panô, bandron tuyển sinh cũng như xuyên suốt hoạt động tư vấn tuyển

sinh. Nội dung Triết lý giáo dục của Trường phù hợp với Tâm nhìn, Sứ mạng của Trường.

16. Việc lựa chọn loại hình và phương pháp đánh giá người học dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần được Nhà trường xây dựng theo Quy định xây dựng, rà soát, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi, đáp án kết thúc học phần được thực hiện theo Quy định về việc tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trong kỳ thi kết thúc học phần.

17. Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đã xác định mục tiêu và 08 giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người học. Để thực hiện mục tiêu và các giải pháp đó, Nhà trường đã ban hành các quy chế, quy định về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

18. Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã triển khai tìm kiếm nguồn thu để thực hiện nhiều đề tài các cấp và các hoạt động khoa học công nghệ khác với tổng kinh phí 67,905 tỷ đồng. Nhà trường đã thành lập 06 nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên sâu về các lĩnh vực. Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

19. Nhà trường đã ban hành quy định về liên chính học thuật trong học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học, đã kiểm tra tình trạng đạo văn đối với các luận văn thông qua hoạt động hướng dẫn và phản biện.. Trường đã mua các phần mềm bản quyền.

20. Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động hợp tác khoa học công nghệ theo chiến lược phát triển, kế hoạch hằng năm. Các nhóm nghiên cứu mạnh của Trường có các thành viên đến từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong nước và nước ngoài. Trường đã có 07 dự án hợp tác nghiên cứu với đối tác quốc tế, mời 10 giáo sư của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nước ngoài đến làm việc, trao đổi kinh nghiệm, cử cán bộ giảng viên đi nước ngoài học tập, khảo sát về khoa học công nghệ... Nhà trường có 33 đối tác trong nước và 45 đối tác nước ngoài trong các hoạt động khoa học công nghệ.

21. Nhà trường có những chính sách hỗ trợ/ thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong văn bản chỉ đạo các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thông qua các nghị quyết của Đảng uỷ; quyết định, thông báo kết luận cuộc họp của Ban Giám hiệu. Nhà trường đã ban hành hệ thống đo lường kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng.

LĨNH VỰC 4: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

22. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp đạt trên 84%.

23. Trong giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã triển khai 03 đề tài khoa học và công nghệ cấp Nhà nước, 36 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, 2 đề tài khoa học cấp tỉnh, 6 đề tài nghiên cứu khoa học của Quỹ Nafoshted, 21 tiêu chuẩn Việt Nam, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường; có 702 lượt người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; đã xuất bản 400 bài báo quốc tế trên các tạp chí ISI và Scopus; Nhà trường đã dành trên 5% kinh phí từ tổng thu cho hoạt động khoa học công nghệ và 3% kinh phí từ nguồn thu học phí hệ đại học chính quy cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên; đã có đề tài khoa học công nghệ được thương mại hóa.

24. Nhà trường thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với các đối tượng thụ hưởng. Nhà trường có quy định cụ thể về việc đo lường đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học, cán bộ, giảng viên nhân viên của Trường.

25. Trong giai đoạn của chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường đã ban hành Chiến lược và Chương trình hành động để thực hiện chiến lược phát triển. Các mục tiêu đặt ra trong chiến lược phát triển về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đã quy định về kết quả và các chỉ số tài chính.

II. HỘI ĐỒNG KIẾN NGHỊ:

LĨNH VỰC 1: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ CHIẾN LƯỢC

1. Nhà trường cần sớm ban hành kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2045 và hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo Chiến lược phát triển đã ban hành; cần nghiên cứu, lấy ý kiến chuyên gia và phân tích năng lực thực tế của Nhà trường để sửa đổi và điều chỉnh Tầm nhìn, Sứ mạng.

2. Trong kỳ rà soát hệ thống các văn bản quản trị của Nhà trường, từng bộ phận, hội đồng và các tổ chức đoàn thể cần nghiên cứu, đánh giá một cách bài bản về tính hiệu quả của các văn bản quản trị, đặc biệt cần lấy ý kiến và tham vấn các chuyên gia về quản

trị đại học để tư vấn điều chỉnh hoặc xây dựng lại các giải pháp khoa học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động và nâng cao được vị thế và uy tín của Trường trong đóng góp cho cộng đồng và địa phương.

3. Nhà trường cần kịp thời rà soát lại cơ cấu tổ chức hoạt động của Trường, căn cứ các quy định của Luật Giáo dục Đại học, văn bản hướng dẫn thi hành và thực tiễn hoạt động của Nhà trường sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục Đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đối với Cơ sở đào tạo Thái Nguyên cần rà soát lại cơ sở vật chất, chức năng, nhiệm vụ tổ chức lại theo đúng thẩm quyền thành lập và cơ cấu tổ chức của Trường (có thể trình cơ quan có thẩm quyền thành lập phân hiệu của Trường) theo quy định của pháp luật.

4. Nhà trường cần định kỳ rà soát và đánh giá mức độ Nhà trường thực hiện các chỉ tiêu được hoạch định trong Chiến lược phát triển của Trường và kịp thời điều chỉnh các chỉ số thực hiện phù hợp với các nguồn lực thực tế của Trường và mức độ/tốc độ phát triển của Trường trong từng lĩnh vực để đảm bảo tính khả thi của Chiến lược phát triển của Trường.

5. Nhà trường nên rà soát lại Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên để có những điều chỉnh/bổ sung thêm các chính sách, các nội dung thiết thực hơn đối với việc hỗ trợ thêm về các nguồn lực, cũng như khen thưởng nhằm tạo đòn bẩy khuyến khích tính đam mê nghiên cứu khoa học của sinh viên để sinh viên tham gia nhiều hơn vào các hoạt động nghiên cứu khoa học.

6. Nhà trường cần rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu đội ngũ giảng viên trong Chiến lược phát triển Trường phù hợp với thực tế.

7. Nhà trường cần có cơ chế, giải pháp, đặc biệt là khai thác tiềm năng của những cán bộ, giảng viên đã và đang học tập, nghiên cứu ở nước ngoài để mở rộng quan hệ hợp tác, tìm kiếm đề tài nghiên cứu khoa học và các hợp tác để có thể đem lại nguồn kinh phí cho Nhà trường.

8. Nhà trường cần định kỳ hàng năm rà soát, đánh giá hiệu quả về đào tạo, nghiên cứu khoa học, hiệu quả kinh tế của các quan hệ hợp tác đối ngoại để có thể điều chỉnh/bổ sung và đưa ra chính sách, giải pháp phù hợp nhằm duy trì, phát triển và mở rộng mạng

lưới các quan hệ đối tác đối ngoại nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và đáp ứng mục tiêu, Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường.

LĨNH VỰC 2: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ HỆ THỐNG

9. Khi rà soát đánh giá để bổ sung hoặc điều chỉnh các chỉ tiêu, các KPIs, Nhà trường cần lượng hóa rõ từng KPI và các chỉ tiêu một cách logic và khoa học để thuận lợi cho việc đánh giá đo lường hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

10. Nhà trường nên tổ chức hội thảo khoa học chuyên đề về đảm bảo chất lượng với những báo cáo của các chuyên gia, các nhà khoa học đến từ các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, hội đồng đảm bảo chất lượng của các trường đại học với sự tham gia của toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên để nâng cao nhận thức và học hỏi kinh nghiệm nhằm áp dụng vào hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường để nâng cao hơn nữa công tác đảm bảo chất lượng giáo dục trong Nhà trường.

11. Nhà trường cần ban hành quy định về an toàn thông tin trên cơ sở Luật An ninh mạng. Nhà trường cần có giải pháp tuyên truyền phổ biến cho các đối tượng liên quan về an ninh mạng để các đối tượng chủ động phòng ngừa và bảo đảm an ninh mạng của Nhà trường.

12. Nhà trường cần rà soát lại Chiến lược phát triển Trường đến năm 2025, tầm nhìn 2045 của Trường để bổ sung hoàn thiện hơn việc đầu tư nguồn tài chính hợp pháp để thực hiện các chỉ tiêu chính trong Chiến lược; đồng thời cần định hướng các giải pháp thực hiện đi kèm với việc đầu tư các nguồn lực để đảm bảo tính khả thi của Chiến lược và các kế hoạch nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

LĨNH VỰC 3: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG

13. Nhà trường cần phân tích sâu hơn về nguồn tuyển sinh hằng năm của Trường, nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp tại các vùng thuộc nơi Trường đào tạo và các khu vực lân cận để có quyết sách phù hợp về những ngành nghề tuyển sinh và có thể tạm dừng tuyển sinh đối với những ngành ít có thí sinh có nhu cầu học.

14. Nhà trường cần kịp thời ban hành chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận mới cho tất cả 808 học phần thuộc tất cả các chương trình đào tạo đại học hiện hành của Nhà trường; đồng thời cần rà soát và cập nhật các tài liệu giảng dạy mới phù hợp cho tất cả các học phần của các chương trình đào tạo hiện hành tại Trường. Trường cũng cần có kế hoạch rà soát lại các chương trình đào tạo cao học đã ban hành trong thời gian qua.

15. Nhà trường cần tăng cường sự kết nối, phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các công ty, doanh nghiệp... để thiết lập và mở rộng được nhiều cơ sở thực tập, thực tế cho sinh viên của Trường. Đồng thời, trong chu kỳ rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo sắp tới, Nhà trường nên xem xét việc tăng thời lượng thực hành, thực tập, đi thực tế cho sinh viên.

16. Nhà trường cần nghiên cứu để sớm có kế hoạch và giải pháp triển khai xây dựng ngân hàng đề thi/câu hỏi thi, trong đó tất cả các câu hỏi thi và đề thi được chuẩn hóa sử dụng các công cụ và phần mềm chuyên dụng để phân tích đánh giá đề thi một cách khách quan nhằm đảm bảo các đề thi đánh giá chính xác nhất kết quả học tập của người học.

17. Nhà trường nên rà soát và hợp nhất các văn bản quy định về hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học thành một văn bản quản lý để thuận lợi cho việc quản lý, tổ chức thực hiện và người học dễ dàng nắm bắt được những quyền lợi được hưởng đã ghi rõ trong các quy định của Nhà trường.

18. Hằng năm và sau mỗi giai đoạn 5 năm, Nhà trường cần rà soát, tổng kết, đánh giá công tác khoa học công nghệ một cách bài bản hơn, trong đó cần phân tích rõ mức độ đạt được các nhiệm vụ khoa học công nghệ và các chỉ tiêu đã xác định trong các chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và chỉ rõ các nguyên nhân dẫn tới việc chưa đạt được một số chỉ số để tạo lập cơ sở cho việc điều chỉnh nhiệm vụ và các chỉ tiêu về khoa học công nghệ cho chiến lược và kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo.

19. Trong quá trình rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, Nhà trường cần làm rõ các nội dung đạt được theo các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn đã đề ra. Đồng thời, báo cáo cần nêu rõ việc Nhà trường đã có các giải pháp đổi mới nào được triển khai. Nhà trường cũng cần rà soát kết quả thực hiện Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ được ban hành năm 2020.

20. Nhà trường nên có quy định/hướng dẫn quy trình rà soát đánh giá hiệu quả và các nguồn lực mang lại từ các hợp tác trong nghiên cứu khoa học; cần có quy chế và chính sách phù hợp để phát huy hiệu quả của các nhóm nghiên cứu mạnh; cần tiếp tục rà soát, cải tiến các hoạt động hợp tác trong khoa học công nghệ để có thể tăng nguồn thu từ các hoạt động hợp tác khoa học công nghệ.

21. Nhà trường nên tìm kiếm và khai thác các nguồn thu hợp pháp của Trường để hỗ trợ thêm cho các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để đảm bảo sự phát triển bền vững của các hoạt động này.

LĨNH VỰC 4: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

22. Nhà trường cần tìm hiểu nguyên nhân vì sao tỷ lệ thôi học hay bị buộc thôi học của sinh viên năm thứ 4 ở một số chương trình đào tạo lại có xu hướng tăng trong hai năm gần đây để có các giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên học tập, giải quyết các khó khăn cá nhân để giảm thiểu tỷ lệ bị thôi học đối với sinh viên năm thứ 4 của Trường.

23. Trong kế hoạch khoa học công nghệ hằng năm, nên có kế hoạch về hoạt động khoa học công nghệ của sinh viên và có chỉ số cụ thể về số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên sẽ triển khai trong năm để làm căn cứ cho việc đầu tư các nguồn lực của Trường và rà soát, cải tiến các hoạt động này.

24. Nhà trường nên có các hội nghị chuyên đề về kết nối và phục vụ cộng đồng để cùng chia sẻ và thảo luận về những tác động của xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên của Trường nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

25. Nhà trường cần phân tích thế mạnh của các ngành đang đào tạo; cần so sánh các kết quả đào tạo và tuyển sinh của Trường với một số trường đại học khác có cùng ngành đào tạo, để xác lập một số chỉ tiêu cụ thể, thể hiện vị trí của Trường trong hệ thống giáo dục đại học và xác định lợi thế cạnh tranh hay khó khăn trong cạnh tranh giáo dục, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế số, để thuận lợi cho việc đánh giá về kết quả và các chỉ số và xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động, thay đổi

chính sách, điều chỉnh các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trên đây là các nhóm giải pháp thuộc kiến nghị của Hội đồng, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng các giải pháp triển khai thực hiện và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần gửi báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam theo quy định.


